

Bản án số: 03 /2020/HC-ST
Ngày: 05 - 05 - 2020
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bằng Công Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Thanh Hải

2. Ông Hà Minh Tiến

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Minh Quang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên tòa:* ông Đỗ Quang Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 05 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 23/2019/TLST- HC ngày 19 tháng 09 năm 2019 về việc: “Khởi kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HC ngày 05 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Tổ 33, phường P, thành phố T, tỉnh T. (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Tổ 33, phường P, thành phố T, tỉnh T. (Vắng mặt)

- Ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C, (Giấy ủy quyền lập ngày 25/9/2019)

3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Tổ 33, phường P, thành phố T, tỉnh T. (Vắng mặt)

- Ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C, (Giấy ủy quyền lập ngày 26/8/2019)

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ 33, phường P, thành phố T, tỉnh T. (Vắng mặt)

- Ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C, (Giấy ủy quyền lập ngày 26/8/2019)

5. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 33, phường P, thành phố T, tỉnh T. (Vắng mặt)

- Ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C, (Giấy ủy quyền lập ngày 26/8/2019)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T.

Địa chỉ: Số 10, đường Nguyễn Du, thành phố T, tỉnh T.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T2, chức vụ Phó Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T (Văn bản ủy quyền ngày 04/05/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện người khởi kiện, bản tự khai, lời khai tại phiên tòa, của người khởi kiện trình bày:

Bố ông Nguyễn Văn C là ông Nguyễn Văn N2 và mẹ ông là bà Phan Thị X (khi còn sống) đã được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri D 0099466 ngày 17/8/1994 gồm các thửa theo bản đồ 299:

Thửa 167 tờ BĐ 44 diện tích 333,70 m²

Thửa 166 tờ BĐ 44 diện tích 292,40 m²

Thửa 57 tờ BĐ 51 diện tích 437,0 m²

Thửa 73 tờ BĐ 51 diện tích 486,20 m²

Ông Nguyễn Văn N2 chết năm 1993, bà Phạm Thị X chết năm 1996 không để lại di chúc. Năm 1999, UBND thành phố T đã cấp 4 thửa đất nêu trên cho cho bà Nguyễn Thị B (số: 00991/QSĐĐ/814/1999 ngày 28/9/1999) mà không có di chúc, không có văn bản thỏa thuận phân chia di sản, buộc gia đình ông phải khiếu nại đến các cơ quan nhà nước và khởi kiện tại Tòa hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh T.

Trong quá trình gia đình ông đang khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B không đúng thì năm 2011 UBND thành phố T đã thu hồi 3 thửa đất gồm: Thửa 166, thửa 167 tờ bản đồ số 44, thửa số 73 tờ bản đồ số 51 và bồi thường cho bà Nguyễn Thị B để giao cho Công ty Sông Đà thực hiện dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng tại Quyết định 9914/QĐ-UBND ngày 08/8/2011 về việc thu hồi đất và Quyết định 11470/QĐ-UBND về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ GPMB cho bà Nguyễn Thị B.

Gia đình ông không đồng ý đã có nhiều văn bản gửi UBND phường P, Trung tâm phát triển quỹ đất (TTPTQĐ) thành phố T, UBND thành phố T giải quyết nhưng vẫn không được giải quyết dứt điểm nên đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh T giải quyết.

Tại bản án số 01/2017/HC-ST ngày 23/3/2017 đã hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00991/QSĐĐ/814/1999 ngày 28/9/1999 của bà Nguyễn Thị B gồm 04 thửa:

Thửa 167 tờ BĐ 44 diện tích 333,70 m².

Thửa 166 tờ BĐ 44 diện tích 292,40 m².

Thửa 57 tờ BĐ 51 diện tích 437,0 m².

Thửa 73 tờ BĐ 51 diện tích 486,20 m².

Sau khi có bản án và quyết định số 01/2017/QĐ-THA ngày 24/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh T về việc thi hành bản án số 01/2017/HC-ST. UBND thành phố T đã có báo cáo số 40/BC-UBND ngày 09/3/2018 về kết quả thi hành bản án thu hồi 4 thửa đất trên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị B.

Sau khi có báo cáo 40/BC-UBND ngày 09/3/2018, ông Nguyễn Văn C đã có đơn gửi TTPTQĐ, UBND thành phố T giải quyết thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng 03 thửa đất gồm:

Thửa 167 tờ BĐ 44 diện tích 333,70 m².

Thửa 166 tờ BĐ 44 diện tích 292,40 m².

Thửa 73 tờ BĐ 51 diện tích 486,20 m².

mang tên ông Nguyễn Văn N2 theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 31/5/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T có văn bản số 21/TTPTQĐ trả lời đơn đề nghị và cho rằng: *Đối với 03 thửa đất ông Nguyễn Văn C đề nghị làm rõ đã được cơ quan chức năng tiến hành thống kê, thu hồi và chi trả tiền bồi thường cho bà Nguyễn Thị B là hoàn toàn đúng quy định.* Sau đó TTPTQĐ gửi cho ông Quyết định 9914/QĐ-UBND ngày 08/8/2011 về việc thu hồi đất cho bà Nguyễn Thị B. Lúc này chúng tôi mới biết Quyết định 9914/QĐ-UBND.

Không đồng ý với văn bản số 21/TTPTQĐ, ông C tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố T.

Ngày 10/9/2018, UBND thành phố T có Thông báo số: 332/TB-UBND có nội dung không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C với lý do: *các thửa đất gồm: Thửa số 445, tờ bản đồ số 8, diện tích 476 m²; Thửa số 349, tờ bản đồ số 8, diện tích 318 m²; Thửa số 344, tờ bản đồ số 8, diện tích 304 m²; Thửa số: 441, tờ bản đồ số 8, diện tích 360 m² của ông Nguyễn Văn N2, được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận số D0099466 ngày 17/8/1994. Những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn N2 đã thống nhất tặng toàn bộ cho bà Nguyễn Thị B tại văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, được Phòng Công chứng số 1 chứng thực ngày 29/6/2016.*

Không đồng ý đối với Thông báo số:332/TB-UBND, chúng tôi đã liên tục gửi đơn đến UBND thành phố T, UBND tỉnh T đề nghị giải quyết. UBND tỉnh T cũng đã có văn bản giao cho UBND thành phố T giải quyết, nhưng gia đình tôi vẫn chưa nhận được tiền bồi thường.

Nay chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết việc UBND thành phố T thu hồi 3 thửa đất trên của ông Nguyễn Văn N2 nhưng gia đình vẫn chưa được nhận tiền

bồi thường bồi thường do việc thu hồi và bồi thường cho bà Nguyễn Thị B là không đúng.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh T buộc UBND thành phố T thực hiện việc ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với 3 thửa đất gồm thửa: số 166, thửa 167 tờ bản đồ số 44, thửa số 73 tờ bản đồ số 51, phường P tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri D0099466 ngày 17/8/1994 mang tên ông Nguyễn Văn N2 do bị UBND thành phố T thu hồi đất, giải phóng mặt bằng từ năm 2010, để giao cho Công ty Sông Đà 2 thực hiện dự án Khu đô thị hồ Xương Rồng nhưng đến nay chúng tôi chưa nhận được tiền bồi thường đúng quy định.

Yêu cầu Tòa án hủy các quyết định liên quan đến 3 thửa đất số 166, thửa 167, tờ bản đồ số 44, thửa số 73 tờ bản đồ 51 phường P gồm: Quyết định 9914/QĐ-UBND ngày 08/8/2011 về việc thu hồi đất và Quyết định 11470/QĐ-UBND ngày 07/9/2011 về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ GPMB cho bà Nguyễn Thị B trái quy định của pháp luật.

Các đồng người khởi kiện có ý kiến đề nghị như yêu cầu đề nghị của ông Nguyễn Văn C và ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ủy ban nhân dân thành phố T có ý kiến tại văn bản số 2272/UBND-TNMT ngày 13/11/2019 như sau:

1. Về hồ sơ thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ địa chính số 44, thửa 73 tờ bản đồ địa chính số 51 phường P.

Ngày 17/8/1994 ông Nguyễn Văn N2 trú tại phường P được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ với tổng diện tích 2.538 m² bao gồm thửa 395, diện tích 968 m², loại đất thổ cư; thửa 396 diện tích 112 m² loại đất ao; còn lại các thửa 445, diện tích 476 m², loại đất 2L; thửa 441, diện tích 360 m² loại đất 2L; thửa 349, diện tích 318 m² loại đất 2L; thửa 344, diện tích 304 m², loại đất 1L thuộc tờ bản đồ 299 số 8 phường P có nguồn gốc do Hợp tác xã giao. Năm 1993 ông N2 chết, năm 1996 bà X (vợ ông N2) chết, ông N2 và bà X không để lại di chúc gì.

Năm 1999, bà Nguyễn Thị B (con gái ông N2 và bà X) làm thủ tục kê khai xin cấp GCNQSD đất và được UBND thành phố T cấp GCNQSD đất ngày 28/9/1999 với tổng diện tích 5.037,4 m², trong đó có 3 thửa đất nông nghiệp bao gồm: thửa số 73, tờ bản đồ địa chính số 51 loại đất LUC (tương ứng với thửa 445 tờ bản đồ 299 số 8); thửa 166, tờ bản đồ địa chính số 44 loại đất LUC (tương ứng với thửa 349 tờ bản đồ 299 số 8); thửa 167 tờ bản đồ địa chính số 44 (tương ứng với thửa 344 tờ bản đồ 299 số 8) đã được cấp GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Văn N2. Hồ sơ xin cấp GCNQSDS đất của bà Nguyễn Thị B

không có di chúc, không có văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với 03 thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Về công tác thống kê thu hồi bồi thường hỗ trợ tái định cư.

Thực hiện Dự án xây dựng khu đô thị Hồ Xương Rồng, phường P, TPTN. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND phường P mời các hộ nằm trong phạm vi GPMB của dự án đến thực hiện công tác thống kê thu hồi đất và bồi thường.

Ngày 09/7/2010, hộ gia đình bà Nguyễn Thị B đã kê khai phần diện tích đất nông nghiệp do gia đình đang sử dụng trong đó có 03 thửa đất như sau: Thửa 67, tờ BĐĐC số 44; Thửa số 73, tờ BĐĐC số 51 và Thửa số 166, tờ BĐĐC số 44.

Ngày 22/11/2010, Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với đội sản xuất nông nghiệp số 3 phường P mời hộ gia đình bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn C lên thống nhất trong công tác thu hồi đất. Tại hội nghị đã xác nhận 03 thửa đất trên đã cấp cho ông Nguyễn Văn N2 tại GCNQSD đất số D0099466 ngày 17/8/1994. Ông N2 đã mất và không có để lại di chúc, hiện tại 03 thửa đất trên bà B đang sử dụng từ năm 1994 đến nay, ông N2 mất không được hưởng khoản hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu dân cư, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B đã thống nhất để bà Nguyễn Thị B kê khai làm thủ tục thống kê thu hồi đất 03 thửa đất trên theo GCNQSD đất mang tên bà Nguyễn Thị B. B bản làm việc ngày 22/11/2010 có chữ ký của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị B, bà Bùi Thị Đông - đội trưởng đội sản xuất số 3, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Ngày 24/3/2011, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với UBND phường P đã ứng trả tiền bồi thường đất, tài sản, cây cối, hoa màu cho bà Nguyễn Thị B tổng số tiền 878.716.900 đồng với tổng diện tích 3.243,7 m². Gồm 7 thửa: 160, 167, 2, 41, 73, 166, 57 thuộc tờ bản đồ số 44, 51.

Ngày 08/6/2011, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã tiến hành công khai kết quả thống kê thu hồi đất dự án: Khu đô thị hồ Xương Rồng phường P, thành phố T (đất nông nghiệp - Đợt 3) theo Thông báo số 46a/TB-TTPTQĐ. Hộ bà Nguyễn Thị B được thống kê thu hồi đất gồm 05 thửa: 160, 167, 166 tờ bản đồ 44; thửa 02, 73 tờ bản đồ 51 với tổng diện tích 1.928,0 m².

Ngày 29/6/2011, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với UBND phường P, HTX nông nghiệp phường P, Đại diện các Đội sản xuất kết thúc công khai kết quả thống kê thu hồi đất.

Ngày 08/8/2011, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 9914/QĐ-UBND về việc thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị B, tổ 33 phường P, thành phố T để thực hiện vào mục đích thực hiện dự án: Xây dựng khi đô thị hồ Xương Rồng

thành phố T (đợt 5). Tổng diện tích thu hồi 1.928,0 m² gồm 5 thửa: Thửa 160 tờ BĐ số 44, diện tích 383,4 m² LUK, Thửa 167 tờ BĐ số 44 diện tích 333,7 m² LUK, thửa số 02 tờ BĐ số 51 diện tích 432,3 m² LUK, thửa 73, tờ BĐ số 51 diện tích 486,2 m² LUK, thửa 166 tờ BĐ số 44 diện tích 292,4 m² LUK.

Ngày 07/9/2011 UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 11470/QĐ-UBND về phê duyệt phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Khu đô thị hồ Xương Rồng, thành phố T (Phần đất nông nghiệp, đợt 3). Bà Nguyễn Thị B được bồi thường 587.982.300 đồng (*Trong đó: thửa 166 tờ bản đồ số 44 là 65.790.000 đồng, thửa 167 tờ bản đồ số 44 là 75.082.500 đồng, thửa 73 tờ bản đồ số 51 là 109.395.000 đồng*). Đã ứng trả tiền bồi thường hỗ trợ GPMB theo B bản ngày 24/3/2011 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Ngày 30/8/2012, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố, UBND phường P, Công ty cổ phần Sông Đà 2, Tổ dân phố, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B thống nhất: *“Gia đình ông Nguyễn Văn C thống nhất để cho bà B đứng tên kê khai và làm thủ tục thống kê thu hồi đất và nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB”*.

Ngày 29/1/2016, tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh T, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L đã lập văn bản phân chia di sản thừa kế cử bố mẹ là ông Nguyễn Văn N2 (chết năm 1993) và bà Phạm Thị X (chết năm 1996) theo GCNQSD đất số D0099466 do UBND thành phố T cấp ngày 17/8/1994 mang tên ông Nguyễn Văn N2. Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L nhất trí tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế của mình cho bà Nguyễn Thị B. Bà Nguyễn Thị B đồng ý nhận kỷ phần thừa kế tặng cho nêu trên. Trong đó có 03 thửa đất 445, 349, 344 tờ bản đồ 299 số 8 tương ứng với thửa 73, tờ BĐ số 51, thửa 166, 167 tờ bản đồ 44.

Ngày 23/3/2017, Tòa án nhân dân tỉnh T ban hành Bản án số 01/2017/HC-ST về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Có nội dung: *“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C. Hủy 01 phần GCNQSD đất số 00991/QSĐĐ/814/QĐ-UB/H ngày 28/9/1999 của UBND thành phố T đã cấp cho bà Nguyễn Thị B (Đối với 04 thửa đất: Thửa 167-TBĐ 44- diện tích 333,7 m²; Thửa 166-TBĐ 44- diện tích 292,4 m²; Thửa 57-TBĐ 51- diện tích 437,0 m² và thửa 73-TBĐ 51- diện tích 486,20 m²)”*. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang lưu giữ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T.

3. Quan điểm giải quyết.

Không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L địa chỉ tại phường P, thành phố T về việc:

- Buộc UBND thành phố T thực hiện việc ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với 3 thửa đất gồm thửa đất số 166, thửa 167 tờ bản đồ số 44, thửa số 73 tờ bản đồ số 51, phường P tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0099466 ngày 17/8/1994 (số vào sổ 0028/QSĐĐ PĐP) mang tên ông Nguyễn Văn N2 do UBND thành phố T thu hồi đất, giải phóng mặt bằng từ năm 2010, để giao cho Công ty Sông Đà 2 thực hiện dự án Khu đô thị hồ Xương Rồng.

- Hủy các quyết định liên quan đến 3 thửa đất số 166, thửa 167, tờ bản đồ số 44, thửa số 73 tờ bản đồ 51 phường P tại Quyết định 9914/QĐ-UBND ngày 08/8/2011 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị B, Quyết định 11470/QĐ-UBND của UBND thành phố T ngày 07/9/2011 về việc phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị hồ Xương Rồng, thành phố T (phần đất nông nghiệp, đợt 3) do trái quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tỉnh phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của pháp luật .

Tòa án nhân dân tỉnh T đã tiếp nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hiệu theo quy định của pháp luật.

Xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và các đồng người khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí tòa án. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và các đồng người khởi kiện.

Buộc ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào quá trình thẩm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện UBND thành phố T xin xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[1.1]. Về thời hiệu khởi kiện.

Năm 2010, UBND thành phố T thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để giao cho Công ty Sông Đà 2 thực hiện dự án Khu đô thị hồ Xương Rồng, thành phố T.

Ông Nguyễn Văn C cho rằng việc thu hồi và đền bù giải phóng mặt bằng cho bà Nguyễn Thị B là không đúng và có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh T đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà B.

Tại bản án số 01/2017/HC-ST ngày 23/3/2017 đã hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00991/QSĐĐ/814/1999 ngày 28/9/1999 của bà Nguyễn Thị B gồm 04 thửa:

Thửa 167 tờ BĐ 44 diện tích 333,70 m².

Thửa 166 tờ BĐ 44 diện tích 292,40 m².

Thửa 57 tờ BĐ 51 diện tích 437,0 m².

Thửa 73 tờ BĐ 51 diện tích 486,20 m².

Sau khi có bản án và quyết định số 01/2017/QĐ-THA ngày 24/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh T về việc thi hành bản án số 01/2017/HC-ST. Ngày 09/3/2018 UBND thành phố T đã có báo cáo số 40/BC-UBND về kết quả thi hành bản án thu hồi 4 thửa đất trên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị B.

Sau khi có báo cáo 40/BC-UBND ngày 9/3/2018, ông Nguyễn Văn C đã có đơn gửi Trung tâm phát triển quỹ đất (TTPTQĐ), UBND thành phố T đề nghị thực hiện thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng 3 thửa đất gồm:

Thửa 167 tờ BĐ 44 diện tích 333,70 m².

Thửa 166 tờ BĐ 44 diện tích 292,40 m².

Thửa 73 tờ BĐ 51 diện tích 486,20 m².

mang tên ông Nguyễn Văn N2 theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 31/5/2018, TTPTQĐ thành phố T có văn bản số 21/TTPTQĐ trả lời đơn đề nghị và cho rằng: *Đối với 03 thửa đất ông Nguyễn Văn C đề nghị làm rõ đã được cơ quan chức năng tiến hành thống kê, thu hồi và chi trả tiền bồi thường cho bà Nguyễn Thị B là hoàn toàn đúng quy định.* Sau đó TTPTQĐ gửi cho ông Quyết định 9914/QĐ-UBND ngày 8/8/2011 về việc thu hồi đất cho bà Nguyễn Thị B. Không đồng ý với văn bản số 21/TTPTQĐ, ông C tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố T.

Ngày 10/9/2018, UBND thành phố T có Thông báo số: 332/TB-UBND có nội dung không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C với lý do: các

thửa đất gồm: Thửa số 445, tờ bản đồ số 8, diện tích 476 m²; Thửa số 349, tờ bản đồ số 8, diện tích 318 m²; Thửa số 344, tờ bản đồ số 8, diện tích 304 m²; Thửa số: 441, tờ bản đồ số 8, diện tích 360 m² của ông Nguyễn Văn N2, được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận số D 0099466 ngày 17/8/1994. Những người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn N2 đã thống nhất tặng toàn bộ cho bà Nguyễn Thị B tại văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, được Phòng Công chứng số 1 chứng thực ngày 29/6/2016.

Xét thấy, sau khi nhận được Thông báo số: 332/TB-UBND ngày 10/9/2018 của UBND thành phố T. Ngày 29/8/2019, ông Nguyễn Văn C và các đồng Người khởi kiện khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh T buộc UBND thành phố T thực hiện hành vi hành chính ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với 3 thửa đất gồm thửa: số 167, thửa 166, tờ bản đồ số 44; thửa số 73 tờ bản đồ số 51, phường P tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri D 0099466 ngày 17/8/1994 mang tên ông Nguyễn Văn N2 là trong thời hiệu khởi kiện, thuộc đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh T theo Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[1.2]. Đối với Quyết định 9914/QĐ-UBND ngày 08/8/2011 về việc thu hồi đất và Quyết định 11470/QĐ-UBND ngày 07/9/2011, về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ GPMB cho bà Nguyễn Thị B là các quyết định hành chính có liên quan, Tòa án xem xét theo Khoản 1, Khoản 2, Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ông Nguyễn Văn N2, được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận số D0099466 ngày 17/8/1994 theo bản đồ 299 các thửa đất gồm:

Thửa số 344, tờ bản đồ số 8, diện tích 304 m²;

Thửa số 349, tờ bản đồ số 8, diện tích 318 m²;

Thửa số 441, tờ bản đồ số 8, diện tích 360 m²;

Thửa số 445, tờ bản đồ số 8, diện tích 476 m²;

Năm 2009, bà Nguyễn Thị B được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00991/QSĐĐ/814/1999 ngày 28/9/1999 gồm 04 thửa theo bản đồ địa chính:

Thửa 167 tờ BĐ 44 diện tích 333,70 m² (tương ứng với Thửa số 344, tờ bản đồ số 8, diện tích 304 m² cấp cho ông N2).

Thửa 166 tờ BĐ 44 diện tích 292,40 m² (tương ứng với Thửa số 349, tờ bản đồ số 8, diện tích 318 m² cấp cho ông N2).

Thửa 57 tờ BĐ 51 diện tích 437,0 m² (tương ứng với Thửa số 441, tờ bản đồ số 8, diện tích 360 m² cấp cho ông N2).

Thửa 73 tờ BĐ 51 diện tích 486,20 m² (tương ứng với Thửa số 445, tờ bản đồ số 8, diện tích 476 m² cấp cho ông N2).

Ông Nguyễn Văn C xác định việc UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B là không đúng, vì ông N2, bà X không để lại di chúc cho bà B thừa kế 04 thửa đất trên, nên đã khiếu nại, sau đó khởi kiện tại Tòa án. Tại bản án số 01/2017/HC-ST ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00991/QSĐĐ/814/1999 ngày 28/9/1999 của bà Nguyễn Thị B gồm 04 thửa:

Thửa 167 tờ BĐ 44 diện tích 333,70 m²

Thửa 166 tờ BĐ 44 diện tích 292,40 m²

Thửa 57 tờ BĐ 51 diện tích 437,0 m²

Thửa 73 tờ BĐ 51 diện tích 486,20 m²

[2.2]. Thực hiện dự án Khu đô thị hồ Xương Rồng, thành phố T, UBND thành phố T đã tiến hành các trình tự, thủ tục thu hồi đất, ban hành Quyết định số 9914/QĐ-UBND ngày 8/8/2011 về việc thu hồi đất và Quyết định 11470/QĐ-UBND ngày 07/9/2011, về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ GPMB cho bà Nguyễn Thị B (06 thửa), trong đó có:

Thửa 167 tờ BĐ 44 diện tích 333,70 m²;

Thửa 166 tờ BĐ 44 diện tích 292,40 m²;

Thửa 73 tờ BĐ 51 diện tích 486,20 m².

Ngày 20/3/2011, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T đã ứng thanh toán tiền bồi thường hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị B các thửa đất đã thu hồi tổng số tiền ứng là: 878.716.900 đồng.

[2.3]. Ngày 29/6/2016, các con của ông Nguyễn Văn N2, bà Phan Thị X là ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L đã lập văn bản phân chia thừa kế với nội dung: nhất trí tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế của mình cho bà Nguyễn thị B gồm:

Thửa số 344, tờ bản đồ số 8, diện tích 304 m²;

Thửa số 349, tờ bản đồ số 8, diện tích 318 m²;

Thửa số 441, tờ bản đồ số 8, diện tích 360 m²;

Thửa số 445, tờ bản đồ số 8, diện tích 476 m²;

trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0099466 cấp ngày 17/8/1994 mang tên ông Nguyễn Văn N2. Văn bản phân chia thừa kế này được Phòng Công chứng số 1, Sở Tư pháp tỉnh T chứng nhận ngày 29/01/2016 theo đúng quy định.

[2.4]. Xét thấy, trong quá trình thực hiện việc thu hồi đất, ngày 22/11/2010, Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với đội sản xuất nông nghiệp số 3 phường P mời hộ gia đình bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn C lên

thống nhất trong công tác thu hồi đất. Tại hội nghị đã xác nhận 03 thửa đất trên đã cấp cho ông Nguyễn Văn N2 tại GCNQSD đất số D0099466 ngày 17/8/1994. Ông N2 đã mất và không có để lại di chúc, hiện tại 03 thửa đất trên bà B đang sử dụng từ năm 1994 đến nay, ông N2 mất không được hưởng khoản hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu dân cư, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B đã thống nhất để bà Nguyễn Thị B kê khai làm thủ tục thống kê thu hồi đất 03 thửa đất trên theo GCNQSD đất mang tên bà Nguyễn Thị B. B bản làm việc ngày 22/11/2010 có chữ ký của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị B, bà Bùi Thị Đông - đội trưởng đội sản xuất số 3, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố. Như vậy, tại thời điểm thu hồi đất giữa ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B không có tranh chấp.

Sau khi có quyết định thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng cho bà Nguyễn Thị B. Ngày 29/01/2016, những người thừa kế gồm: ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị L đã tiếp tục lập B bản thỏa thuận với nội dung: nhất trí tặng cho toàn bộ kỹ phần thừa kế của mình cho bà Nguyễn Thị B 04 thửa đất nêu trên tại Phòng Công chứng số 1, tỉnh T, việc công chứng được thực hiện theo đúng Điều 57 Luật Công chứng năm 2014 và Điều 18, Nghị định số: 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2015. Như vậy, sau khi bản án số 01/2017/HC-ST ngày 23/3/2017 đã hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00991/QSĐĐ/814/1999 ngày 28/9/1999 của bà Nguyễn Thị B có hiệu lực thì bà B vẫn là người được hưởng thừa kế toàn bộ 4 thửa đất nêu trên của ông Nguyễn Văn N2 và thuộc trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đối với 04 thửa đất trên theo điểm c, khoản 1, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

Tại thời điểm thực hiện việc thu hồi và bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2011, UBND thành phố T ban hành Quyết định 9914/QĐ-UBND ngày 08/8/2011 về việc thu hồi đất và Quyết định 11470/QĐ-UBND ngày 04/9/2011, về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ GPMB cho bà Nguyễn Thị B thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009.

Do vậy, xét yêu cầu khởi kiện của ông C và các đồng người khởi kiện đề nghị Tòa án buộc UBND thành phố T thực hiện hành vi hành chính ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với 3 thửa đất gồm thửa: số 167, thửa 166 tờ bản đồ số 44; thửa số 73 tờ bản đồ số 51, phường P tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri D 0099466 ngày 17/8/1994 mang tên ông Nguyễn Văn N2 và hủy Quyết định 9914/QĐ-UBND ngày 08/8/2011 về

việc thu hồi đất và Quyết định 11470/QĐ-UBND ngày 07/9/2011, về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ GPMB cho bà Nguyễn Thị B là không có cơ sở chấp nhận, cần bác yêu cầu của các đương sự là phù hợp.

Về án phí: ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị B có đơn xin miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi, nên căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị B là phù hợp. Riêng bà Nguyễn Thị L không đủ điều kiện nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 57 Luật Công chứng năm 2014 và Điều 18, Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2015; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị B (ủy quyền cho ông C) yêu cầu:

- Buộc UBND thành phố T thực hiện hành vi hành chính ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với 3 thửa đất gồm thửa: số 167, thửa 166 tờ bản đồ số 44; thửa số 73 tờ bản đồ số 51, phường P tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri D 0099466 ngày 17/8/1994 mang tên ông Nguyễn Văn N2 .

- Hủy Quyết định 9914/QĐ-UBND ngày 8/8/2011 về việc thu hồi đất và Quyết định 11470/QĐ-UBND ngày 07/9/2011, về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ GPMB cho bà Nguyễn Thị B.

2. Về án phí:

Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị B.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn C 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0008817 ngày 19/9/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Nguyễn Văn C, vắng mặt người bị kiện, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị B.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội.
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Đương sự;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bảng Công Hiệp

